

CÔNG TY CP VẬN TẢI BIỂN
VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ
(INLACO SAIGON)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 19 /TCHC

Tp Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 03 năm 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 1 Điều 10 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty cổ phần Vận tải biển và Hợp tác lao động quốc tế thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) năm 2024 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức:

- Mã chứng khoán: ISG
- Địa chỉ: 36-38 Nguyễn Trường Tộ, Phường 13, Quận 4, TPHCM
- Điện thoại liên hệ: 028 39433770 Fax: 028 39433778

2. Email: inlacosaigon@inlacosaigon.com

Website: www.inlacosaigon.vn

3. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC năm 2024

☐ BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

☒ BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

☐ BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán năm 2024):

☒ Có

☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☒ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2024):

☐ Có

☒ Không



Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

☒ Có

☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☒ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

☒ Có

☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☒ Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 24/03/2025 tại đường dẫn:

<http://inlacosaigon.vn/tin-cong-bo>

Tài liệu đính kèm:

- BCTC hợp nhất năm 2024
- Văn bản giải trình ý kiến kiểm toán

Đại diện tổ chức

Người đại diện theo pháp luật
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



CHỦ TỊCH HĐQT

Nguyễn Ngọc Minh



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN
VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC
LAO ĐỘNG QUỐC TẾ

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Hội đồng quản trị	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	5
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	13 - 37
8. Phụ lục	38 - 40

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vận tải biển và Hợp tác Lao động Quốc tế (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty và Báo cáo tài chính của công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”).

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Vận tải biển và Hợp tác Lao động Quốc tế là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ doanh nghiệp Nhà nước - Công ty Hợp tác Lao động với Nước ngoài Phía Nam theo Quyết định số 523/QĐ-BGTVT ngày 12 tháng 3 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300442760 đăng ký lần đầu ngày 27 tháng 6 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi sau:

- Giấy chứng nhận thay đổi lần thứ 1 ngày 31 tháng 8 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp về việc tăng vốn điều lệ và bổ sung ngành, nghề kinh doanh bất động sản.
- Giấy chứng nhận thay đổi lần thứ 2 ngày 20 tháng 01 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp về việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính và đăng ký thêm 06 chi nhánh tại Việt Nam.
- Giấy chứng nhận thay đổi lần thứ 3 ngày 14 tháng 5 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp về việc thay đổi địa chỉ Công ty.

Ngày 04 tháng 9 năm 2015 cổ phiếu của Công ty được chấp thuận đăng ký giao dịch trên UpCoM với mã chứng khoán ISG.

Trụ sở hoạt động

- Địa chỉ : Số 36 - 38, đường Nguyễn Trường Tộ, Phường 13, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh
- Điện thoại : +84 (028) 3943 3770
- Fax : +84 (028) 3943 3778

Các đơn vị trực thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải biển và Hợp tác lao động Quốc tế tại Nghệ An	Số 62, đường Trần Quốc Toản, phường Hà Huy Tập, TP. Vinh, tỉnh Nghệ An
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải biển và Hợp tác lao động Quốc tế tại Hải Phòng	Gác 5, toà nhà Thành Đạt, số 03, đường Lê Thánh Tông, phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải biển và Hợp tác lao động Quốc tế tại Thanh Hóa	Thôn Bắc Hải, xã Hải Thượng, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải biển và Hợp tác lao động Quốc tế tại Hà Nội	Phòng 206, Tầng 2, tòa nhà Ocean Park, số 01, đường Đào Duy Anh, phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Kinh doanh vận tải biển;
- Dịch vụ hàng hải: đại lý tàu biển, đại lý vận tải đường biển, cung ứng tàu biển, môi giới hàng hải, quản lý tàu biển;
- Tuyển, đào tạo nâng cao nghiệp vụ chuyên môn, ngoại ngữ để cung ứng lao động cho xuất khẩu;
- Xuất khẩu lao động;
- Cho thuê kho, bãi;
- Đại lý liên hiệp vận tải;
- Dịch vụ giao nhận hàng hóa;



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

- Môi giới thương mại;
- Dịch vụ khai thuê hải quan;
- Kinh doanh vận tải container bằng đường biển, đường bộ;
- Mua bán và cung ứng vật tư - thiết bị ngành hàng hải;
- Mua bán phương tiện vận tải và thiết bị - vật tư, phụ tùng, khoáng sản, kim loại màu, sắt thép, thiết bị điện tử, hàng nông lâm thủy sản (không gây ô nhiễm môi trường), hàng thủ công mỹ nghệ, hàng may mặc;
- Mua bán dầu nhờn;
- Mua bán máy, phụ tùng, vật tư cho hãng máy tàu nước ngoài;
- Đại lý bán vé máy bay;
- Kinh doanh bất động sản.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Nguyễn Ngọc Minh	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 29 tháng 4 năm 2022
Ông Trần Việt Điền	Phó Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 29 tháng 4 năm 2022
Ông Nguyễn Tuấn Anh	Ủy viên	Tái bổ nhiệm ngày 29 tháng 4 năm 2022
Ông Nguyễn Vũ	Ủy viên	Tái bổ nhiệm ngày 29 tháng 4 năm 2022
Ông Nguyễn Văn Nam	Ủy viên	Tái bổ nhiệm ngày 29 tháng 4 năm 2022
Ông Nguyễn Thanh Ngọc	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 4 năm 2022
Ông Hoàng Đức Tuấn	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 4 năm 2022

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày tái bổ nhiệm
Bà Nguyễn Thị Thu Oanh	Trưởng ban	Tái bổ nhiệm ngày 29 tháng 4 năm 2022
Bà Trịnh Thị Thanh Hương	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 29 tháng 4 năm 2022
Ông Phạm Anh Tuấn	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 29 tháng 4 năm 2022

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Nguyễn Tuấn Anh (1974)	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 7 năm 2020
Ông Nguyễn Vũ	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 7 năm 2020
Ông Nguyễn Tuấn Anh (1982)	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 7 năm 2020
Ông Đặng Hiếu	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 02 năm 2025

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Nguyễn Ngọc Minh - Chủ tịch Hội đồng quản trị (bổ nhiệm ngày 05 tháng 6 năm 2007).

Ông Nguyễn Ngọc Minh ủy quyền cho Ông Nguyễn Tuấn Anh – Tổng Giám đốc ký Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 theo Giấy ủy quyền ngày 10 tháng 7 năm 2020.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Tập đoàn.



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Hội đồng quản trị,


Nguyễn Tuấn Anh
Ủy viên Hội đồng quản trị
Tổng Giám đốc

Ngày 21 tháng 3 năm 2025

Số: 1.0477/25/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Vận tải biển và Hợp tác lao động Quốc tế (sau đây gọi tắt là “Công ty”) và công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”), được lập ngày 21 tháng 3 năm 2025, từ trang 06 đến trang 40, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Tuy nhiên, do vấn đề mô tả tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến”, chúng tôi đã không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, Tập đoàn lãi 530.812.956.718 VND, lỗ lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 292.520.333.141 VND, làm cho vốn chủ sở hữu bị âm 199.496.955.344 VND. Ngoài ra, tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 nợ ngắn hạn đã lớn hơn tài sản ngắn hạn 505.223.672.063 VND. Những điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Tập đoàn. Chúng tôi không thể thu thập đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp về khả năng hoạt động liên tục của Tập đoàn.

Từ chối đưa ra ý kiến

Do tầm quan trọng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến”, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến kiểm toán về Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



Hồ Văn Tùng

Thành viên Ban Giám đốc

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0092-2023-008-1

Người được ủy quyền



Phan Cao Huyền

Kiểm toán viên

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 3523-2021-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 3 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ

Địa chỉ: Số 36 - 38, đường Nguyễn Trường Tộ, Phường 13, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		166.449.607.426	225.122.052.060
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	108.335.161.569	143.733.547.188
1. Tiền	111		101.814.676.928	134.140.924.358
2. Các khoản tương đương tiền	112		6.520.484.641	9.592.622.830
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		1.500.000.000	1.579.590.411
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	1.500.000.000	1.579.590.411
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		27.329.272.427	43.973.803.178
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	16.345.677.602	17.104.844.020
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	177.449.850	224.257.361
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	11.429.874.248	27.268.431.070
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(623.729.273)	(623.729.273)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		8.110.804.135	19.777.961.392
1. Hàng tồn kho	141	V.7	8.110.804.135	19.777.961.392
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		21.174.369.295	16.057.149.891
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	3.208.650.820	4.369.631.115
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		17.790.237.658	11.385.443.100
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15	175.480.817	302.075.676
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ

Địa chỉ: Số 36 - 38, đường Nguyễn Trường Tộ, Phường 13, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		461.941.716.719	188.451.554.917
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		2.000.000	2.000.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		2.000.000	2.000.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		441.362.706.822	148.624.225.328
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	432.208.858.622	139.154.417.128
- Nguyên giá	222		1.422.828.082.988	1.363.785.698.110
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(990.619.224.366)	(1.224.631.280.982)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	9.153.848.200	9.469.808.200
- Nguyên giá	228		17.736.123.304	17.736.123.304
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(8.582.275.104)	(8.266.315.104)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		52.556.750	52.556.750
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	52.556.750	52.556.750
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		1.920.000.000	3.850.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2b	1.978.500.000	6.870.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2b	(128.500.000)	(3.090.000.000)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2a	70.000.000	70.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		18.604.453.147	35.922.772.839
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	18.604.453.147	35.922.772.839
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.12	-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		628.391.324.145	413.573.606.977

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ

Địa chỉ: Số 36 - 38, đường Nguyễn Trường Tộ, Phường 13, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		827.888.279.489	1.138.480.195.756
I. Nợ ngắn hạn	310		671.673.279.489	1.138.480.195.756
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	20.846.158.417	31.661.146.201
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	4.706.996.462	10.180.764.357
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	37.624.614.723	114.023.517
4. Phải trả người lao động	314	V.16	8.454.723.397	7.443.919.507
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	1.836.640.102	1.039.249.613.012
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	565.921.321.492	45.395.322.749
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19a,c	25.020.000.000	2.416.590.000
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.20	7.262.824.896	2.018.816.413
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		156.215.000.000	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.19b,c	156.215.000.000	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ

Địa chỉ: Số 36 - 38, đường Nguyễn Trường Tộ, Phường 13, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		(199.496.955.344)	(724.906.588.779)
I. Vốn chủ sở hữu	410		(199.496.955.344)	(724.906.588.779)
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.21	88.000.000.000	88.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		88.000.000.000	88.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.21	5.023.377.797	5.023.377.797
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.21	(292.520.333.141)	(817.929.966.576)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(817.929.966.576)	(817.929.966.576)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		525.409.633.435	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		628.391.324.145	413.573.606.977

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 3 năm 2025

Lê Thị Thu Hà
Người lậpNghiêm Văn Châu
Kế toán trưởngNguyễn Tuấn Anh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI BIÊN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ

Địa chỉ: Số 36 - 38, đường Nguyễn Trường Tộ, Phường 13, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	383.813.800.179	349.750.069.289
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		383.813.800.179	349.750.069.289
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	443.014.660.629	386.437.125.242
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		(59.200.860.450)	(36.687.055.953)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	17.454.443.052	7.755.975.472
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	10.610.042.992	73.065.819.199
Trong đó: chi phí lãi vay	23		10.464.350.466	71.414.132.220
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	12.877.365.683	10.326.176.482
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	19.827.889.640	16.856.044.778
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(85.061.715.713)	(129.179.120.940)
12. Thu nhập khác	31	VI.7	656.545.348.065	10.196.433.730
13. Chi phí khác	32	VI.8	1.190.922.302	1.491.487.633
14. Lợi nhuận khác	40		655.354.425.763	8.704.946.097
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		570.292.710.050	(120.474.174.843)
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.15	39.479.753.332	-
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>530.812.956.718</u>	<u>(120.474.174.843)</u>
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		530.812.956.718	(120.474.174.843)
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(0)	-
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9a,c	<u>59.706</u>	<u>(13.690)</u>
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9b,c	<u>59.706</u>	<u>(13.690)</u>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 3 năm 2025

Lê Thị Thu Hà
Người lậpNguyễn Văn Châu
Kế toán trưởngNguyễn Tuấn Anh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ

Địa chỉ: Số 36 - 38, đường Nguyễn Trường Tộ, Phường 13, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		386.174.972.282	388.076.762.279
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(200.554.742.400)	(236.464.885.255)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(77.079.284.959)	(74.463.370.923)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(20.968.029.000)	(11.014.273.049)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	V.15	(2.082.671.192)	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		16.904.062.694	363.982.170.130
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(84.128.194.389)	(395.529.229.753)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		18.266.113.036	34.587.173.429
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.9	(376.300.363.636)	(1.793.200.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	VI.7	133.670.270.500	40.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(7.000.000.000)	(90.040.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		7.079.590.411	117.445.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		5.375.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.5, VI.3	624.065.907	2.643.981.298
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(236.551.436.818)	28.295.781.298

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ

Địa chỉ: Số 36 - 38, đường Nguyễn Trường Tộ, Phường 13, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.19	200.000.000.000	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.19	(21.181.590.000)	(23.016.836.000)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		178.818.410.000	(23.016.836.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(39.466.913.782)	39.866.118.727
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	143.733.547.188	103.722.982.699
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		4.068.528.163	144.445.762
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	108.335.161.569	143.733.547.188

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 3 năm 2025

Lê Thị Thu Hà
Người lập

Nghiêm Văn Châu
Kế toán trưởng



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ

Địa chỉ: Số 36 - 38, đường Nguyễn Trường Tộ, Phường 13, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vận tải biển và Hợp tác Lao động Quốc tế (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty mẹ là thương mại - dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty mẹ là cung cấp các dịch vụ cung ứng lao động cho xuất khẩu, dịch vụ cung ứng tàu biển, dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu, cung ứng và kinh doanh dầu nhờn,...

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 1 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

Công ty chỉ đầu tư vào công ty con là Công ty TNHH MTV Inlaco Logistics có trụ sở chính tại số 126, đường Chùa Vẽ, phường Đông Hải I, quận Hải An, TP. Hải Phòng. Hoạt động kinh doanh chính của công ty con này là cung cấp dịch vụ vận chuyển nâng hạ container, dịch vụ giao nhận, vận chuyển, đóng hàng, dịch vụ cho thuê kho, bãi, dịch vụ sửa chữa, vệ sinh container và các dịch vụ khác. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty tại công ty con này là 100% (số đầu năm là 100%).

6. Đặc điểm hoạt động của Tập đoàn trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất

Năm 2024 tổng lợi nhuận kế toán trước thuế của Tập đoàn tăng đáng kể là do Tập đoàn nhận được Thông báo số 122/TB-TD1 và 123/TB-TD1 ngày 05 tháng 4 năm 2024 của Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh NHPT Khu vực Đông Bắc về việc xóa nợ lãi tính trên nợ lãi chậm trả phát sinh chưa thu tính đến ngày 21 tháng 12 năm 2023 của Dự án Đầu tư đóng mới tàu chở hàng khô (tàu Aquamarine và tàu Inlaco Express) với tổng số tiền là 517.823.083.150 VND.

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

8. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Tập đoàn có 1.068 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 1.175 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ

Địa chỉ: Số 36 - 38, đường Nguyễn Trường Tộ, Phường 13, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ

Địa chỉ: Số 36 - 38, đường Nguyễn Trường Tộ, Phường 13, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và khoản đầu tư vào chứng chỉ Quỹ Đầu tư Quốc gia với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ

Địa chỉ: Số 36 - 38, đường Nguyễn Trường Tộ, Phường 13, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ vốn điều lệ của Tập đoàn so với tổng vốn điều lệ thực góp tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ

Địa chỉ: Số 36 - 38, đường Nguyễn Trường Tộ, Phường 13, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho là nguyên vật liệu và công cụ, dụng cụ bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước của Tập đoàn chủ yếu là chi phí bảo hiểm tàu; công cụ, dụng cụ trên tàu; chi phí sửa chữa tàu. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này:

Chi phí bảo hiểm tàu

Chi phí bảo hiểm tàu được phân bổ theo kỳ hạn hiệu lực của hợp đồng bảo hiểm.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ từ 02 đến 03 năm tùy theo thời gian sử dụng.

Chi phí sửa chữa tàu

Chi phí sửa chữa tài sản là toàn bộ chi phí phát sinh sửa chữa tàu nhằm duy trì tình trạng hoạt động bình thường của tàu. Chi phí sửa chữa tàu được phân bổ trong vòng 02 đến 05 năm.

9. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

10. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ

Địa chỉ: Số 36 - 38, đường Nguyễn Trường Tộ, Phường 13, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 15
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 12
Tài sản cố định khác	03 - 10

11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất của Công ty con là tiền thuê đất trả một lần cho nhiều năm và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo thời hạn thuê đất 30 năm.

Quyền sử dụng đất của Công ty mẹ là quyền sử dụng đất không xác định thời hạn tại số 36 -38, đường Nguyễn Trường Tộ, Phường 12, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh. Quyền sử dụng đất này không được tính khấu hao.

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ

Địa chỉ: Số 36 - 38, đường Nguyễn Trường Tộ, Phường 13, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

14. **Vốn góp của chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông Công ty mẹ.

15. **Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức được chia

Cổ tức được chia được ghi nhận khi Tập đoàn được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

16. **Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ

Địa chỉ: Số 36 - 38, đường Nguyễn Trường Tộ, Phường 13, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

17. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ

Địa chỉ: Số 36 - 38, đường Nguyễn Trường Tộ, Phường 13, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

21. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Tập đoàn gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các công cụ tài chính không được niêm yết.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn gồm các khoản phải trả người bán, vay và các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Tập đoàn:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ

Địa chỉ: Số 36 - 38, đường Nguyễn Trường Tộ, Phường 13, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	850.271.828	820.673.459
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	100.964.405.100	133.320.250.899
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng)	6.520.484.641	9.592.622.830
Cộng	108.335.161.569	143.733.547.188

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính này của Tập đoàn như sau:

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	1.500.000.000	1.500.000.000	1.579.590.411	1.579.590.411
Tiền gửi có kỳ hạn	1.500.000.000	1.500.000.000	1.579.590.411	1.579.590.411
Dài hạn	70.000.000	70.000.000	70.000.000	70.000.000
Khoản đầu tư vào Chứng chỉ Quỹ Đầu tư Quốc gia	70.000.000	70.000.000	70.000.000	70.000.000
Cộng	1.570.000.000	1.570.000.000	1.649.590.411	1.649.590.411

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam	978.500.000	(128.500.000)	5.870.000.000	(2.450.000.000)
Công ty Cổ phần Vinalines Logistics	1.000.000.000	-	1.000.000.000	(640.000.000)
Cộng	1.978.500.000	(128.500.000)	6.870.000.000	(3.090.000.000)

Giá trị hợp lý

Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	3.090.000.000	2.980.000.000
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng	(2.961.500.000)	110.000.000
Số cuối năm	128.500.000	3.090.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ

Địa chỉ: Số 36 - 38, đường Nguyễn Trường Tộ, Phường 13, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải thu tiền cung cấp dịch vụ cho thuê tàu, vận tải</i>	<i>4.439.757.956</i>	<i>1.512.195.595</i>
<i>Phải thu các dịch vụ khác</i>	<i>11.905.919.646</i>	<i>15.592.648.425</i>
Công ty Cổ phần Vận tải Linh Ngọc	836.740.800	2.309.958.000
Công ty Nissho Shipping	3.462.529.163	4.303.626.320
Hinase Ship Management Co., Ltd.	1.805.558.572	842.692.720
Công ty Xi măng Nghi Sơn	892.452.985	910.378.384
Các khách hàng khác	4.908.638.126	7.225.993.001
Cộng	16.345.677.602	17.104.844.020

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Lâu đài Ven Sông	49.016.250	-
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Quốc tế Hoàng Sơn	47.433.600	-
Trả trước cho người bán khác	81.000.000	224.257.361
Cộng	177.449.850	224.257.361

5. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu bên liên quan</i>	<i>42.864.000</i>	-	<i>42.864.000</i>	-
Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam	42.864.000	-	42.864.000	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>11.387.010.248</i>	-	<i>27.225.567.070</i>	-
Các khoản thu hộ liên quan đến hoạt động tàu biển	2.383.134.198	-	12.929.463.038	-
Tạm ứng	2.882.112.857	-	5.680.888.018	-
Ký quỹ ngắn hạn	4.522.100.000	-	4.522.100.000	-
Lãi dự thu	59.543.176	-	75.479.397	-
Phải thu về dịch vụ khác	1.540.120.017	-	4.017.636.617	-
Cộng	11.429.874.248	-	27.268.431.070	-

6. Nợ quá hạn

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty Cổ phần Container Quốc tế CAS						
- tiền cung cấp dịch vụ	Trên 03 năm	85.392.000	-	Trên 03 năm	85.392.000	-
Công ty TNHH Vật liệu Xây dựng và Dịch vụ Vận tải Thuận Phát						
- tiền cung cấp dịch vụ	Trên 05 năm	131.200.000	-	Trên 05 năm	131.200.000	-
Công ty TNHH Container B.N - tiền cung cấp dịch vụ	Trên 03 năm	365.890.000	-	Trên 03 năm	365.890.000	-
Công ty TNHH Toàn Thịnh Lộc	Trên 03 năm	3.247.273	-	Trên 03 năm	3.247.273	-
Các cá nhân khác	Trên 03 năm	38.000.000	-	Trên 03 năm	38.000.000	-
Cộng		623.729.273	-		623.729.273	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ

Địa chỉ: Số 36 - 38, đường Nguyễn Trường Tộ, Phường 13, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	623.729.273	582.482.000
Trích lập dự phòng bổ sung	-	41.247.273
Số cuối năm	623.729.273	623.729.273

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên vật liệu	8.044.924.135	-	19.752.581.392	-
Công cụ, dụng cụ	65.880.000	-	25.380.000	-
Cộng	8.110.804.135	-	19.777.961.392	-

Tập đoàn không có hàng tồn kho chậm luân chuyển.

8. Chi phí trả trước

8a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí bảo hiểm tàu	2.137.596.090	2.754.155.736
Công cụ, dụng cụ	641.176.730	1.437.322.579
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	429.878.000	178.152.800
Cộng	3.208.650.820	4.369.631.115

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	2.101.639.746	8.918.589.515
Chi phí sửa chữa tàu	15.369.782.445	25.567.794.209
Chi phí trả trước dài hạn khác	1.133.030.956	1.436.389.115
Cộng	18.604.453.147	35.922.772.839

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	24.512.071.989	1.338.313.832.755	739.702.457	220.090.909	1.363.785.698.110
Mua sắm mới	-	376.300.363.636	-	-	376.300.363.636
Thanh lý, nhượng bán	-	(317.257.978.758)	-	-	(317.257.978.758)
Số cuối năm	24.512.071.989	1.397.356.217.633	739.702.457	220.090.909	1.422.828.082.988
Trong đó:					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	9.044.734.153	460.320.267.210	739.702.457	220.090.909	470.324.794.729
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	17.770.807.185	1.205.900.680.431	739.702.457	220.090.909	1.224.631.280.982
Khấu hao trong năm	649.053.816	82.596.868.326	-	-	83.245.922.142
Thanh lý, nhượng bán	-	(317.257.978.758)	-	-	(317.257.978.758)
Số cuối năm	18.419.861.001	971.239.569.999	739.702.457	220.090.909	990.619.224.366
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	6.741.264.804	132.413.152.324	-	-	139.154.417.128
Số cuối năm	6.092.210.988	426.116.647.634	-	-	432.208.858.622
Trong đó:					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ

Địa chỉ: Số 36 - 38, đường Nguyễn Trường Tộ, Phường 13, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 426.832.255.437 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn tại Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng và Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam - (TP. Hà Nội) - Chi nhánh Đô Thành (xem thuyết minh số V.19a).

10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	17.676.123.304	60.000.000	17.736.123.304
Số cuối năm	17.676.123.304	60.000.000	17.736.123.304
Trong đó:			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	60.000.000	60.000.000
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	8.206.315.104	60.000.000	8.266.315.104
Khấu hao trong năm	315.960.000	-	315.960.000
Số cuối năm	8.522.275.104	60.000.000	8.582.275.104
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	9.469.808.200	-	9.469.808.200
Số cuối năm	9.153.848.200	-	9.153.848.200
Trong đó:			
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

Tài sản cố định vô hình có giá trị còn lại 8.198.578.200 VND đã được thế chấp cho khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (xem thuyết minh số V.19a).

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí phát triển phần mềm quản lý nhân sự, tiền lương chưa nghiệm thu.

12. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tập đoàn chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho khoản lỗ tính thuế với số tiền là 4.525.133.720 VND, chi tiết như sau:

Năm 2021	18.383.822
Năm 2024	4.506.749.898
Cộng	4.525.133.720

13. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả bên liên quan	99.445.768	-
Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam	99.445.768	-
Phải trả các nhà cung cấp khác	20.746.712.649	-
Nhà máy Sửa chữa tàu biển Phà Rừng	14.500.000.000	16.500.000.000
Các nhà cung cấp khác	6.246.712.649	15.161.146.201
Cộng	20.846.158.417	31.661.146.201

Khoản nợ Nhà máy Sửa chữa tàu biển Phà Rừng đã quá hạn thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ

Địa chỉ: Số 36 - 38, đường Nguyễn Trường Tộ, Phường 13, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Eol Shipping Limited	-	3.867.304.275
Pillos Co., Ltd	-	3.216.236.532
Wellerman Bulk Pte Ltd	-	1.405.422.500
New Highest Marine Co., Ltd	-	1.375.333.207
Wooyang Shipping Co., Ltd	2.495.003.462	-
Daedong Shipping Co., Ltd	1.360.314.000	-
Các khách hàng khác	851.679.000	316.467.843
Cộng	4.706.996.462	10.180.764.357

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	99.567.054	-	1.381.408.849	(1.362.763.559)	118.212.344	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	30.266.473	39.479.753.332	(2.082.671.192)	37.477.516.612	110.700.945
Thuế thu nhập cá nhân	11.866.255	264.973.867	1.114.796.797	(893.338.162)	26.295.559	57.944.536
Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	-	-	67.923.509	(67.923.509)	-	-
Tiền thuê đất	-	-	325.626.700	(325.626.700)	-	-
Các loại thuế khác	2.590.208	-	11.000.000	(11.000.000)	2.590.208	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	6.835.336	30.666.310	(30.666.310)	-	6.835.336
Cộng	114.023.517	302.075.676	42.411.175.497	(4.773.989.432)	37.624.614.723	175.480.817

Thuế giá trị gia tăng

Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Dịch vụ cung cấp dầu mua và bán tại nước ngoài cho tổ chức nước ngoài Không phải kê khai
- Dịch vụ vận tải quốc tế, cho thuê tàu vận tải quốc tế 0%
- Dịch vụ xuất khẩu thuyền viên
 - Tàu nội 10%
 - Tàu ngoại 0%
- Các hoạt động khác⁽ⁱ⁾ 08 - 10%

⁽ⁱ⁾ Trong năm Công ty được áp dụng thuế suất thuế giá trị gia tăng 8% cho một số hàng hóa, dịch vụ theo Nghị định số 94/2023/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ hướng dẫn Nghị quyết số 110/2023/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2023 và Nghị định số 72/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ hướng dẫn Nghị quyết số 142/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024 của Quốc hội.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Tập đoàn có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ

Địa chỉ: Số 36 - 38, đường Nguyễn Trường Tộ, Phường 13, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	570.292.710.050	(120.474.174.843)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	43.771.439	119.827.111
- Các khoản điều chỉnh giảm	(31.149.740)	-
Thu nhập chịu thuế	570.305.331.749	(120.354.347.732)
Lỗi các năm trước được chuyển ⁽ⁱ⁾	(377.413.314.987)	(1.252.221.889)
Thu nhập tính thuế	192.892.016.762	(121.606.569.621)
Thu nhập tính thuế của Công ty mẹ	197.398.766.660	(121.606.569.621)
Thu nhập tính thuế của Công ty con	(4.506.749.898)	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	39.479.753.332	-

- (i) Công ty mẹ đã điều chỉnh lại các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp khi thực hiện Quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2021, năm 2022 và năm 2023, chi tiết như sau:

	<u>Số trước điều chỉnh</u>	<u>Số sau điều chỉnh</u>
Năm 2021		
Các khoản điều chỉnh tăng	38.433.390.239	-
Năm 2022		
Các khoản điều chỉnh giảm	(7.437.442.187)	-
Năm 2023		
Các khoản điều chỉnh tăng	66.310.477.453	-
Lỗi tính thuế lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2023	(280.106.889.482)	(377.413.314.987)

Vốn chủ sở hữu của Công ty mẹ đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 (206.999.680.034)

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Tiền thuê đất

Công ty phải nộp tiền thuê đất cho khu đất đang sử dụng vị trí tại đường Đoạn Xá, phường Đông Hải, quận Hải An, thành phố Hải Phòng với mức tiền thuê 116.295 VND/m²/năm.

Thuế nhà đất

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

16. Phải trả người lao động

Lương, thưởng còn phải trả cho người lao động.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ

Địa chỉ: Số 36 - 38, đường Nguyễn Trường Tộ, Phường 13, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

17. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi vay	223.440.411	1.038.151.202.526
Chi phí khác	1.613.199.691	1.098.410.486
Cộng	1.836.640.102	1.039.249.613.012

18. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	180.013.498	583.385.002
Nhận ký quỹ ngắn hạn	70.000.000	32.000.000
Cổ tức phải trả	1.318.722.900	1.318.722.900
Chi phí lãi vay	510.161.110.853	-
Phải trả hộ liên quan đến hoạt động cho thuê tàu	22.256.690.524	5.659.931.117
Phải trả hộ liên quan đến hoạt động xuất khẩu thuyền viên	22.405.984.848	28.772.848.194
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	9.528.798.869	9.028.435.536
Cộng	565.921.321.492	45.395.322.749

Tập đoàn không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

19. Vay

19a. Vay ngắn hạn

Khoản vay dài hạn đến hạn trả của Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam - (TP Hà Nội) - Chi nhánh Đô Thành.

Chi tiết số phát sinh về vay dài hạn đến hạn trả trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	2.416.590.000	-
Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	43.785.000.000	21.364.590.000
Số tiền vay đã trả	(21.181.590.000)	(19.136.600.000)
Chênh lệch tỷ giá	-	188.600.000
Số cuối năm	25.020.000.000	2.416.590.000

19b. Vay dài hạn

Khoản vay Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam - (TP. Hà Nội) - Chi nhánh Đô Thành theo Hợp đồng tín dụng số 10.04/2024/HĐCV ngày 10 tháng 4 năm 2024 với tổng số tiền vay 200.000.000.000 VND để mua tàu chở hàng khô (số hiệu IMO 9658795) đóng năm 2013 tại Nhật Bản theo MOA ký với Sun Advance Shipping S.A ngày 04 tháng 01 năm 2024, thời hạn vay 96 tháng, lãi suất vay là 7,5%/năm trong kỳ đầu tiên (12 tháng đầu), các kỳ tiếp theo lãi suất vay bằng lãi suất huy động tiết kiệm 12 tháng của Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam cộng 3,5%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay - Tàu Inlaco Harmony và Tàu Inlaco Bright (xem thuyết minh số V.7).

Ngoài ra, quyền sử dụng đất không thời hạn và tài sản gắn liền với đất tại số 36 - 38, đường Nguyễn Trường Tộ, Phường 13, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh cũng được sử dụng để đảm bảo khoản vay ở Ngân hàng này (xem thuyết minh số V.8).

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 01 năm trở xuống	25.020.000.000	2.416.590.000
Trên 01 năm đến 05 năm	100.080.000.000	-
Trên 05 năm	56.135.000.000	-
Cộng	181.235.000.000	2.416.590.000

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ

Địa chỉ: Số 36 - 38, đường Nguyễn Trường Tộ, Phường 13, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	-	25.058.730.000
Số tiền vay phát sinh	200.000.000.000	?
Số tiền vay đã trả	-	(3.880.236.000)
Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	(43.785.000.000)	(21.364.590.000)
Chênh lệch tỷ giá	-	186.096.000
Số cuối năm	156.215.000.000	-

19c. Vay quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Chi tiết phát sinh như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	2.018.816.413	2.078.668.413
Tăng do trích lập từ lợi nhuận ⁽ⁱ⁾	5.403.323.283	-
Chi quỹ trong năm	(159.314.800)	(59.852.000)
Số cuối năm	7.262.824.896	2.018.816.413

⁽ⁱ⁾ Tập đoàn trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi theo Quyết định số 260/QĐ - HĐQT ngày 12 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng quản trị.

21. Vốn chủ sở hữu

21a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	88.000.000.000	5.023.377.797	(697.455.791.733)	(604.432.413.936)
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	(120.474.174.843)	(120.534.026.843)
Số dư cuối năm trước	88.000.000.000	5.023.377.797	(817.929.966.576)	(724.906.588.779)
Số dư đầu năm nay	88.000.000.000	5.023.377.797	(817.929.966.576)	(724.906.588.779)
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	530.812.956.718	530.812.956.718
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(5.403.323.283)	(5.403.323.283)
Số dư cuối năm nay	88.000.000.000	5.023.377.797	(292.520.333.141)	(199.496.955.344)

21b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tổng công ty Hàng hải Việt Nam (đại diện bởi Ông Nguyễn Tuấn Anh; Ông Nguyễn Thanh Ngọc)	31.680.000.000	31.680.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	56.320.000.000	56.320.000.000
Cộng	88.000.000.000	88.000.000.000

21c. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.800.000	8.800.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.800.000	8.800.000
- Cổ phiếu phổ thông	8.800.000	8.800.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ

Địa chỉ: Số 36 - 38, đường Nguyễn Trường Tộ, Phường 13, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.800.000	8.800.000
- Cổ phiếu phổ thông	8.800.000	8.800.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND

22. Khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất

22a. Ngoại tệ các loại

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tiền và các khoản tương đương tiền của Tập đoàn bao gồm 3.891.847,94 USD (số đầu năm là 5.180.841,60 USD).

22b. Nợ khó đòi đã xử lý

Tập đoàn có các khoản công nợ phải thu tiền cung cấp dịch vụ tồn đọng lâu, không có khả năng thu hồi đã được xử lý xóa sổ như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ông Phạm Quốc Hiến	131.151.222	131.151.222
Công ty TNHH NNT	19.346.275	19.346.275
G.B.B.H.CO	1.879.500	1.879.500
Liên doanh Ahler	2.698.478	2.698.478
Công ty TNHH Vận tải biển Lam Kinh	1.294.880.755	1.294.880.755
Cộng	1.449.956.230	1.449.956.230

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu dịch vụ cho thuê tàu và vận tải	328.936.245.107	282.796.325.012
Doanh thu dịch vụ đại lý tàu, xuất khẩu thuyền viên và hoạt động khác	54.877.555.072	66.953.744.277
Cộng	383.813.800.179	349.750.069.289

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan.

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn dịch vụ cho thuê tàu và vận tải ⁽ⁱ⁾	391.539.810.941	330.895.748.650
Giá vốn hoạt động xuất khẩu thuyền viên, đại lý tàu và hoạt động khác	51.474.849.688	55.541.376.592
Cộng	443.014.660.629	386.437.125.242

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ

Địa chỉ: Số 36 - 38, đường Nguyễn Trường Tộ, Phường 13, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	608.129.686	2.701.269.890
Lãi thanh lý khoản đầu tư dài hạn khác	483.500.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	11.996.856.862	4.865.272.244
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	4.365.956.504	189.433.338
Cộng	17.454.443.052	7.755.975.472

4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	10.464.350.466	71.414.132.220
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	3.107.192.526	1.541.066.961
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	620.018
Dự phòng/(Hoàn nhập dự phòng) tổn thất đầu tư	(2.961.500.000)	110.000.000
Cộng	10.610.042.992	73.065.819.199

5. Chi phí bán hàng

Chi phí hoa hồng.

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	9.631.732.960	9.250.504.665
Chi phí đồ dùng văn phòng	645.571.451	616.686.902
Chi phí khấu hao tài sản cố định	846.850.184	846.850.184
Trợ cấp thôi việc	137.794.257	188.557.004
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	-	41.247.273
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.448.307.608	802.178.101
Các chi phí khác	7.117.633.180	5.110.020.649
Cộng	19.827.889.640	16.856.044.778

7. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Lãi thanh lý tài sản cố định	133.670.270.500	40.000.000
Doanh thu từ tiền thưởng giải phóng tàu	59.145.547	4.060.597.398
Xử lý công nợ tồn lâu	3.700.000.000	3.669.923.235
Thu nhập từ việc được xóa nợ lãi tính trên nợ lãi chậm trả	517.823.083.150	-
Thu nhập khác	1.292.848.868	2.425.913.097
Cộng	656.545.348.065	10.196.433.730

8. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Chi phí từ tiền phạt giải phóng tàu	502.940.926	652.267.552
Phạt vi phạm hành chính	-	180.000.000
Chi phí khác	687.981.376	659.220.081
Cộng	1.190.922.302	1.491.487.633

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ

Địa chỉ: Số 36 - 38, đường Nguyễn Trường Tộ, Phường 13, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

9. Lãi trên cổ phiếu

9a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông Công ty mẹ	530.812.956.718	(120.474.174.843)
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(5.403.323.283)	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	525.409.633.435	(120.474.174.843)
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	8.800.000	8.800.000
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	59.706	(13.690)

9b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất này.

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	109.315.281.192	89.721.280.549
Chi phí nhân công	87.966.366.632	96.686.395.461
Chi phí khấu hao tài sản cố định	83.561.882.142	73.265.239.076
Chi phí dịch vụ mua ngoài	125.702.741.634	92.213.386.960
Chi phí khác	69.173.644.352	61.733.044.456
Cộng	475.719.915.952	413.619.346.502

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Tổng Giám đốc Công ty mẹ. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không phát sinh giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ

Địa chỉ: Số 36 - 38, đường Nguyễn Trường Tộ, Phường 13, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Tiền lương	Thù lao	Cộng thu nhập
Năm nay			
Ông Nguyễn Ngọc Minh - Chủ tịch HĐQT	786.842.638	-	786.842.638
Ông Trần Viết Điền – Phó Chủ tịch HĐQT	493.623.259	-	493.623.259
Ông Nguyễn Tuấn Anh (1974) - Ủy viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	650.667.556	36.000.000	686.667.556
Ông Nguyễn Tuấn Anh (1982) - Ủy viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	432.469.083	-	432.469.083
Ông Nguyễn Vũ - Ủy viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	488.885.592	36.000.000	524.885.592
Ông Nghiêm Văn Châu - Kế toán trưởng	366.096.741	-	366.096.741
Cộng	3.218.584.869	72.000.000	3.290.584.869
Năm trước			
Ông Nguyễn Ngọc Minh - Chủ tịch HĐQT	643.451.087	-	643.451.087
Ông Trần Viết Điền – Phó Chủ tịch HĐQT	374.155.713	-	374.155.713
Ông Nguyễn Tuấn Anh (1974) - Ủy viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	525.867.325	36.000.000	561.867.325
Ông Nguyễn Tuấn Anh (1982) - Ủy viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	498.043.965	-	498.043.965
Ông Nguyễn Vũ - Ủy viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	393.112.616	36.000.000	429.112.616
Ông Nghiêm Văn Châu - Kế toán trưởng	297.716.875	-	297.716.875
Cộng	2.732.347.581	72.000.000	2.804.347.581

1b. Giao dịch và số dư với bên liên quan khác

Bên liên quan khác với Tập đoàn chỉ có Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - Công đồng nắm giữ 36% vốn điều lệ.

Giao dịch với bên liên quan khác

Trong năm, Công ty chỉ phát sinh giao dịch thuê văn phòng với Tổng Công ty Cổ phần Hàng Hải Việt Nam số tiền là 146.831.808 VND (Năm trước là 166.585.664 VND).

Công nợ với bên liên quan khác

Công nợ với bên liên quan khác được trình bày tại thuyết minh số V.5 và V.12.

2. Thông tin về bộ phận

Hoạt động kinh doanh của Tập đoàn chủ yếu là dịch vụ cho thuê tàu và vận tải biển (chiếm hơn 85% tổng doanh thu).

Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn được trình bày ở Phụ lục đính kèm.

3. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Tập đoàn phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc Công ty mẹ chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ

Địa chỉ: Số 36 - 38, đường Nguyễn Trường Tộ, Phường 13, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3a. *Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tập đoàn.

Tập đoàn có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Tập đoàn giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt hoặc có tài sản đảm bảo đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Tập đoàn liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn của Tập đoàn được gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.5 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hoặc chưa bị giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số cuối năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	108.335.161.569	-	108.335.161.569
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	1.570.000.000	-	1.570.000.000
Phải thu khách hàng	16.345.677.602	-	16.345.677.602
Các khoản phải thu khác	8.547.761.391	-	8.547.761.391
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	-	1.978.500.000	1.978.500.000
Cộng	134.798.600.562	1.978.500.000	136.777.100.562
Số đầu năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	143.733.547.188	-	143.733.547.188
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	1.649.590.411	-	1.649.590.411
Phải thu khách hàng	16.481.114.747	623.729.273	17.104.844.020
Các khoản phải thu khác	21.587.543.052	-	21.587.543.052
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	-	6.870.000.000	6.870.000.000
Cộng	183.451.795.398	7.493.729.273	190.945.524.671

ANH H

3b. *Rủi ro thanh khoản*

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tập đoàn gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tập đoàn quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp ở mức mà Ban Tổng Giám đốc Công ty mẹ cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Tập đoàn nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ

Địa chỉ: Số 36 - 38, đường Nguyễn Trường Tộ, Phường 13, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (không bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 01 năm đến 05 năm	Cộng
Số cuối năm				
Phải trả người bán	20.846.158.417	-	-	20.846.158.417
Vay	25.020.000.000	100.080.000.000	56.135.000.000	181.235.000.000
Các khoản phải trả khác	567.577.948.096	-	-	567.577.948.096
Cộng	613.444.106.513	100.080.000.000	56.135.000.000	769.659.106.513
Số đầu năm				
Phải trả người bán	31.661.146.201	-	-	31.661.146.201
Vay	2.416.590.000	-	-	2.416.590.000
Các khoản phải trả khác	1.084.061.550.759	-	-	1.084.061.550.759
Cộng	1.118.139.286.960	-	-	1.118.139.286.960

3c. *Rủi ro thị trường*

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Tập đoàn gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro về lãi suất, rủi ro về giá chứng khoán và rủi ro về giá hàng hóa.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất và giá chứng khoán sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Tập đoàn có mua nhiên liệu phục vụ cho vận hành đội tàu với đồng tiền giao dịch là USD và JPY do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Tập đoàn không sử dụng bất kỳ công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa rủi ro ngoại tệ.

Tài sản/Nợ phải trả thuần có gốc ngoại tệ của Tập đoàn như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	USD	JPY	USD	JPY
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.891.847,94	-	5.180.841,60	-
Phải thu khách hàng	175.945,29	-	290.751,84	-
Các khoản phải thu khác	150.617,62	-	-	-
Phải trả người bán	(11.060,00)	-	(149.486,00)	(442.690,00)
Vay và nợ	-	-	(99.000,00)	-
Các khoản phải trả khác	-	-	(1.079.732,06)	-
Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ	4.207.350,85	-	4.118.574,63	(442.690,00)

Ban Tổng Giám đốc đánh giá ảnh hưởng do thay đổi tỷ giá hối đoái giữa VND với USD và JPY đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Tập đoàn là không đáng kể.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ

Địa chỉ: Số 36 - 38, đường Nguyễn Trường Tộ, Phường 13, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro lãi suất của Tập đoàn chủ yếu liên quan đến các khoản vay có lãi suất thị trường.

Tập đoàn quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường, đàm phán để có được các lãi suất có lợi nhất.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Tập đoàn có các khoản vay với lãi suất thả nổi là 181.235.000.000 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 99.000 USD tương đương 2.416.590.000 VND).

Ban Tổng Giám đốc đánh giá ảnh hưởng do thay đổi lãi suất đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Tập đoàn là không đáng kể.

Rủi ro về giá hàng hóa

Tập đoàn có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa. Tập đoàn quản lý rủi ro về giá hàng hóa bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Tập đoàn chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá hàng hóa.

3d. Tài sản đảm bảo

Tập đoàn không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2023.

4. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

Giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tiền và các khoản tương đương tiền	108.335.161.569	-	143.733.547.188	-
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	1.570.000.000	-	1.649.590.411	-
Phải thu khách hàng	16.345.677.602	-	17.104.844.020	(623.729.273)
Các khoản phải thu khác	8.547.761.391	-	21.587.543.052	-
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	1.978.500.000	(128.500.000)	6.870.000.000	(3.090.000.000)
Cộng	136.777.100.562	(128.500.000)	190.945.524.671	(3.713.729.273)

Nợ phải trả tài chính

Giá trị ghi sổ của nợ phải trả tài chính như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người bán	20.846.158.417	31.661.146.201
Vay	181.235.000.000	2.416.590.000
Các khoản phải trả khác	567.577.948.096	1.084.061.550.759
Cộng	769.659.106.513	1.118.139.286.960

Giá trị hợp lý

Tập đoàn chưa xác định được giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ

Địa chỉ: Số 36 - 38, đường Nguyễn Trường Tộ, Phường 13, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

5. Thông tin về hoạt động liên tục

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, hoạt động kinh doanh của Tập đoàn lãi 530.812.956.718 VND, khoản lỗ lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 292.520.333.141 VND, làm cho vốn chủ sở hữu bị âm 199.496.955.344 VND. Ngoài ra tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn 505.223.672.063 VND. Các yếu tố này có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Tập đoàn.

Tuy nhiên, Tổng công ty Hàng hải Việt Nam cam kết hỗ trợ tài chính cần thiết và các ngân hàng đang xem xét không yêu cầu Tập đoàn hoàn trả ngay các khoản nợ đến hạn cho đến khi Tập đoàn có khả năng trả nợ. Do vậy, Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 vẫn được lập dựa trên giả thiết Tập đoàn hoạt động kinh doanh liên tục.

6. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 3 năm 2025

Lê Thị Thu Hà
Người lập

Nguyễn Văn Châu
Kế toán trưởng

Stamp: CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ
M.S.D.N: 0300442760 - C.T.C.T
TP. HỒ CHÍ MINH
Nguyễn Tuấn Anh
Tổng Giám đốc

30044
CÔN
CH NHI
1 TOÁN
A 8
H - TP

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ

Địa chỉ: Số 36 - 38, đường Nguyễn Trường Tộ, Phường 12, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Phụ lục: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Đơn vị tính: VND

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

	Dịch vụ cho thuê tàu, vận tải biển	Các hoạt động kinh doanh khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Năm nay				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	328.936.245.107	54.877.555.072	-	383.813.800.179
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	328.936.245.107	54.877.555.072	-	383.813.800.179
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	(90.607.949.452)	(1.298.166.321)	-	(91.906.115.773)
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				(91.906.115.773)
Doanh thu hoạt động tài chính				17.454.443.052
Chi phí tài chính				(10.610.042.992)
Thu nhập khác				656.545.348.065
Chi phí khác				(1.190.922.302)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(39.479.753.332)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				530.812.956.718
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	424.858.313.472	1.604.327.570	-	426.462.641.042
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	128.502.541.384	4.649.624.902	-	133.152.166.286
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ

Địa chỉ: Số 36 - 38, đường Nguyễn Trường Tộ, Phường 12, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Phụ lục: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

	Dịch vụ cho thuê tàu, vận tải biển	Các hoạt động kinh doanh khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Năm trước				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	282.796.325.012	66.953.744.277	-	349.750.069.289
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	282.796.325.012	66.953.744.277	-	349.750.069.289
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	(70.895.660.651)	7.026.383.438	-	(63.869.277.213)
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				(63.869.277.213)
Doanh thu hoạt động tài chính				7.755.975.472
Chi phí tài chính				(73.065.819.199)
Thu nhập khác				10.196.433.730
Chi phí khác				(1.491.487.633)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				(120.474.174.843)
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	11.195.614.589	1.931.381.227	-	13.126.995.816
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	107.493.382.486	5.223.558.292	-	112.716.940.778
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ

Địa chỉ: Số 36 - 38, đường Nguyễn Trường Tộ, Phường 12, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Phụ lục: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

	Dịch vụ cho thuê tàu, vận tải biển	Các hoạt động kinh doanh khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Số cuối năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	456.825.939.688	32.636.099.463	-	489.462.039.151
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				138.929.284.994
Tổng tài sản				628.391.324.145
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	744.055.786.060	-	-	744.055.786.060
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				83.832.493.429
Tổng nợ phải trả				827.888.279.489
Số đầu năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	198.475.550.715	46.723.034.937	-	245.198.585.652
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				168.375.021.325
Tổng tài sản				413.573.606.977
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	1.087.807.920.882	-	-	1.087.807.920.882
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				50.672.274.874
Tổng nợ phải trả				1.138.480.195.756

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 3 năm 2025

Lê Thị Thu Hà
Người lập

Nghiêm Văn Châu
Kế toán trưởng



Nguyễn Tuấn Anh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ
HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ
(INLACO SAIGON)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tp. HCM, ngày 24 tháng 03 năm 2025

Số: 22/TCHC

*V/v giải trình từ chối đưa ra ý kiến của Công
ty kiểm toán trên Báo cáo tài chính năm 2025*

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Công ty Cổ phần Vận tải biển và Hợp tác lao động Quốc tế đã thực hiện công bố Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán tư vấn A&C

Tại báo cáo kiểm toán ngày 21 tháng 03 năm 2025, Công ty TNHH Kiểm toán tư vấn A&C có nêu ý kiến kiểm toán "từ chối đưa ra ý kiến" như sau:

“ Tại Báo cáo kiểm toán số 1.0477/25/TC-AC ngày 21 tháng 03 năm 2025 về Báo cáo tài chính Hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty Cổ phần Vận tải biển và Hợp tác lao động Quốc tế, Kiểm toán viên đưa ra cơ sở từ chối đưa ra ý kiến liên quan đến việc chưa thu thập đầy đủ bằng chứng thích hợp về khả năng hoạt động liên tục của Tập đoàn lãi 530.812.956.718 VND nhưng lỗ lũy kế đến 31/12/2024 là 292.520.333.141 VND, làm cho vốn chủ sở hữu âm 199.496.955.344, nợ ngắn hạn đã lớn hơn tài sản ngắn hạn 505.223.672.063 VND’.

Công ty Cổ phần Vận tải biển và Hợp tác lao động Quốc tế xin giải trình nội dung trên như sau:

Do khoản lãi vay tại Ngân hàng Phát triển Việt Nam chi nhánh NHPT khu vực Đông Bắc (VDB) đến thời điểm 31/12/2024 là 510.161.110.853 VND.

- Hiện tại Công ty đang tiếp tục làm hồ sơ tái cơ cấu xin xóa lãi phạt trên gốc chậm trả còn lại tại Ngân hàng Phát triển chi nhánh NHPT khu vực Đông Bắc.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết về nội dung trong bản giải trình là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm về nội dung công bố thông tin.



Rất mong Quý ủy ban Chứng khoán và Sở giao dịch chứng khoán xem xét và chấp nhận.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên.
- Lưu TCKT, TCHC

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN TUẤN ANH

